

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO NĂM 2025
Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, năm 2025

Số: 29D/BC-134A

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện đa khoa An Lão báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2025 cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa An Lão
- Địa chỉ, số điện thoại: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng
- Người đại diện: Dương Đức Huân;
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh; quy mô/công suất: 250 giường bệnh Tần suất hoạt động: thường xuyên;
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 02/2015/GPHĐ-BV ngày 27/11/2015 của Sở Y tế Hải Phòng; Mã số thuế: 0200950915
- Giấy phép môi trường số: 4048/GPMT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 11 năm 2024
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

TT	Tên chỉ tiêu	Năm 2024			Năm 2025		
		K/H	Thực hiện	%	K/H	Thực hiện	%
1	Giường bệnh	250	191	76	250	192	77
2	TS người KB	14.373	11.083	77	13.622	11.330	83
4	B/n Đ/T Nội trú	93.000	78.896	85	93.000	78.308	84
5	Số Ngày ĐT NT	91.250	69.685	76	91.250	70.254	77
6	Ngày điều trị TB	6.5	6.3	0	6.7	6.2	0
7	B/n Ngoại trú cấp tính	1.000	988	99	1.000	1.313	131
8	Công suất G/B KH	100	76	76	100	77	77
9	Công suất G/B TK	202.000	232.474	112	220.000	224.244	102
10	TS phẫu thuật	36.700	33.412	91	35000	29.072	83
11	TS thủ thuật	22.370	20.605	92	22.370	17.587	79
12	Số B/nhân tử vong	12.400	13.749	111	12.500	15.061	121
13	TS chụp X quang	5.300	5.238	99	5.300	4.297	81
14	TS lần Siêu Âm	250	191	76	250	192	77
15	TS lần Điện tim	14.373	11.083	77	13.622	11.330	83
16	TS lần Xét nghiệm	93.000	78.896	85	93.000	78.308	84
17	TS nội soi	91.250	69.685	76	91.250	70.254	77

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo:

STT	Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ	Năm 2024	Năm 2025
1	Điện	288.064 KW	292.880 KW
2	Nước	20.659 m ³	13.863 m ³
3	Nhiên liệu	-	-
4	Hóa chất	Cloramin: 96,6 kg Men vi sinh: 21,6 kg	Cloramin: 72,1 kg Men vi sinh: 21,6 kg

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Nguồn nước thải

Nước thải của Bệnh viện bao gồm các nguồn sau:

- Nguồn số 01:

+ Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh → Đường ống nhựa D110 → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa mặt, nước thoát sàn nhà vệ sinh → Đường ống nhựa D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp → Đường ống nhựa D110 → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là của Bệnh viện → Đường ống nhựa D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ phòng mổ sau khi được khử khuẩn ban đầu bằng dung dịch Cloramin B → Đường ống nhựa PVC D110 → Ngăn số 03 của Bể tự hoại ở khu vực nhà 3 tầng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh từ phòng xét nghiệm được thu gom riêng và dẫn tới hố ga ngoại vi bằng hệ thống inox (được xử lý sơ bộ bằng dung dịch Cloramin B) → Đường ống nhựa PVC D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại 03 ngăn: 12 bể, tổng dung tích 136 m³. Quy trình xử lý: nước thải y tế từ các phòng mổ, nước thải sinh hoạt (nước đen) → Bể tự hoại 03 ngăn (Nước thải y tế từ phòng mổ được dẫn về ngăn thứ 3 của bể tự hoại) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Hố ga ngoại vi, dung tích 1,5m³/hố. Quy trình xử lý: nước giặt, nước thải bếp ăn, nước thoát sàn chậu, nước thải y tế từ phòng xét nghiệm → Hố ga ngoại vi (Riêng hố ga ngoại vi thu gom nước thải y tế từ phòng xét nghiệm được xử lý sơ bộ bằng dung dịch Cloramin B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện. Quy trình xử lý nước thải: Nước thải → Hố ga tách rác, tách dầu → Bể gom và bơm nước thải → Bể yếm khí →

Bể hiếu khí → Bể bơm (quá trình hiếu khí) → 02 Thiết bị hợp khối → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga chứa nước thải sau xử lý → Mương thoát nước chung của khu vực → Kênh Bãi Vệt thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ. Bùn thải được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ tẩy mầu, phân định chất thải và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin, men vi sinh xử lý nước thải.
- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất: Năm 2024: 17.530 m³; Năm 2025: 13.796 m³.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

Bệnh viện đa khoa An Lão không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ. Bệnh viện vẫn thực hiện quan trắc vào đợt tháng 11 năm 2025.

- Thời gian quan trắc: 17/11/2025
 - Vị trí quan trắc:
- Mẫu nước thải tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão (nay là xã An Lão). Tọa độ: 2303871.010X; 583593.488Y. (NT1).
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu;
 - Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế; (Cột A, K=1,2);
 - Kết quả quan trắc đều nằm trong giới hạn giá trị cho phép;
 - Đơn vị thực hiện quan trắc Số Vmcerts: Trung tâm Quan trắc Môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng - Vmcert 008 & 017;
 - Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):

Bảng 1.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Không có mẫu vượt								

(Kết quả chi tiết các đợt quan trắc trong năm ở phần phụ lục)

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

(Không có)

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

(Không có)

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

(Không có)

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

(Không có)

3. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

a, Thống kê chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

Rác thải sinh hoạt được thu gom vào thùng rác để chuyển đi xử lý theo hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt số 29/HĐKT-TV ngày 20/9/2017 với UBND Thị trấn An Lão và hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt ký số 01/2025/HĐDV/TG-BVAL ngày 01/7/2025 với Công ty TNHH môi trường Thủy Giang, cụ thể:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải sinh hoạt	103,173	UBND Thị trấn An Lão; Công ty TNHH môi trường Thủy Giang	99,75
Tổng cộng		103,173		99,75

b, Thống kê chất thải công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

Không phát sinh

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại (CTNH) theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

(Mục 5.1)

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không có

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không có

5. Về quản lý chất thải y tế

5.1. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

- Bệnh viện duy trì thực hiện quản lý chất thải y tế theo quy định Thông tư số 20/2021-TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật bảo vệ môi trường.

Chất thải lây nhiễm tại Bệnh viện được lưu chứa theo quy định và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hải Phòng, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 16/25/HĐ-RYT ngày 01/1/2025. Chất thải nguy hại không lây nhiễm tại Bệnh viện được lưu chứa theo quy định và định kỳ chuyển giao cho Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn theo hợp đồng số 000017/2025/HĐYTĐBV ngày 16/1/2025. Chất thải rắn thông thường được Bệnh viện được lưu chứa theo quy định và định kỳ chuyển giao cho Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn theo hợp đồng số 000018/2025/HĐYTĐBV ngày 16/1/2025. Lượng chất thải y tế phát sinh tại Bệnh viện được thống kê tại bảng sau:

STT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ phương pháp xử lý(*)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm	4048	4048	4048	Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị	0	-
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm		kg/năm	3975	3975	3975		0	-
1.1	Chất thải lây nhiễm (bao	130101	kg/năm	1079	1079	1079		0	-

STT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ phương pháp xử lý(*)
	gồm cả chất thải sắc nhọn)						Hải Phòng		
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	130101	kg/năm	1704	1704	1704	Mã QLCTN: 2.099.VX	0	-
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	130101	kg/năm	1021	1021	1021		0	-
1.4	Chất thải giải phẫu	130101	kg/năm	171	171	171		0	-
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm		kg/năm	73	73	73	Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn	0	-
2.1	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	160106	kg/năm	10	10	10		0	-
2.2	Hộp mực in thải	080204	kg/năm	05	05	05		0	-
2.3	Pin	160112	kg/năm	07	07	07		0	-
2.4	Dược phẩm hết hạn thải bỏ	130103	kg/năm	50	50	50		0	-

STT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy hại	Đơn vị tính	Khối lượng chất thải phát sinh	Khối lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Khối lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/phương pháp xử lý(*)
2.5	Vỏ chai thuốc dụng cụ có cảnh báo	180104	kg/năm	01	01	01		0	-
II	Tổng lượng chất thải rắn tái chế		kg/năm	475	475	475	Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn	0	-
1	Vỏ chai dịch truyền (loại dày)		kg/năm	400	400	400		0	-
2	Vỏ chai dịch truyền (loại mỏng)		kg/năm	75	75	75		0	-
3	Vỏ can nhựa		kg/năm	0	0	0		0	-
4	Bìa giấy cát tông		kg/năm	0	0	0		0	-
III	Tổng lưu lượng nước thải		m ³ /năm	13796	13796	-	-	13796	HTXLNT
1	Nước thải y tế		m ³ /năm	96	96	-	-	96	
2	Nước thải sinh hoạt		m ³ /năm	13700	13700	-	-	13700	
IV	Tổng lượng chất thải rắn thông thường		Không phát sinh						

Ghi chú:

(*) Hình thức/phương pháp xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế

- Nước thải: HTXLNT: Xử lý qua hệ thống xử lý nước thải.

5.2. Thống kê khối lượng chất thải nhựa trong năm

Không phát sinh

6. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

Bệnh viện đã xây dựng Kế hoạch, Phương án kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị y tế tại bệnh viện.

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

- Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

Tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ, phổ biến thông tin về phòng ngừa, ứng phó sự cố cho nhân viên y tế; năm 2025 có 35 nhân viên y tế được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy do Công An xã An Lão tổ chức.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở: không có

7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng: không có

8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có):

Bệnh viện đã hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường theo yêu cầu của đoàn kiểm tra

Trên đây là kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2025, Bệnh viện đa khoa An Lão báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Sở NN&MT;
- UBND xã An Lão;
- Lưu VT.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYÊN

CHỦ ĐẦU TƯ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
AN LÃO



GIÁM ĐỐC
Dương Đức Huân

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Kết quả quan trắc môi trường năm 2025

Phụ lục 2: Giấy phép môi trường Bệnh viện Đa khoa An Lão (Số:4048/GPMT-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 11 năm 2024)

Phụ lục 3: Hợp đồng và chứng từ chuyển giao chất thải năm 2025

Phụ lục 4: Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ

Phụ lục 5: Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm phù hợp với các yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17025-2017

Phụ lục 6: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

ANH
BỆNH
ĐA K
AN
S

Phụ lục 1: Kết quả quan trắc môi trường năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả mẫu NT1	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột A, K=1,2)
1	pH	-	7,21	6,5-8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	4,8	36
3	COD	mg/l	18,4	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	10,0	60
5	Sunfua(tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH (0,032)	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	0,063	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	0,041	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	1,8	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	<3,5	12
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,005	0,005
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	0,039	0,039
12	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	KPH (2)	3x10 ³
13	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH (1)	KPH
14	Shigella		KPH (1)	KPH
15	Vibrio cholera		KPH (1)	KPH

Chú thích: (-): Không quy định

ND, KPH: Không phát hiện

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giới hạn báo cáo.

NT1: Mẫu nước thải tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão (nay là xã An Lão). Tọa độ: 2303871.010X; 583593.488Y.

QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi xả vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HPCEM



Add: 275 Lạch Tray - Gịa Viên - Hải Phòng;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hocem.com.vn

Số: 465/2025/BBQT

BIÊN BẢN
Quan trắc môi trường

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 17. tháng 11. năm 2025.

Tại: Bệnh Viện Đa Khoa Am Lữ

Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, Xã Am Lữ, Thành Phố Hải Phòng

Loại hình sản xuất: Bệnh Viện Đa Khoa

Sản phẩm chính (sản lượng/tháng): 250 giường bệnh

Trung tâm Quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường phục vụ:

Lựa chọn kết quả quan trắc môi trường theo yêu cầu của Bệnh Viện Đa Khoa Am Lữ

Theo những nội dung sau:

1. Quan trắc và lấy 01 (một) mẫu nước thải tại vị trí Sami

Tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thửa địa bàn Thị trấn Am Lữ, huyện Am Lữ (nay là Xã Am Lữ). Tọa độ: 230.3871.010 X, 583.593.488 Y. Ký hiệu mẫu: NTA

Điều kiện thời tiết/khí tượng: trời nhiều mây, không mưa
Hướng gió Đông Bắc tốc độ gió 1,6 m/s,
Nhiệt độ 23,0 °C, độ ẩm tương đối 67 %, áp suất 101,2 kPa.

Tình trạng hoạt động (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cơ sở đang hoạt động khác):

Trong thời gian quan trắc và lấy mẫu Bệnh Viện Đa Khoa An Lão đang hoạt động bình thường

Việc quan trắc kết thúc vào hồi: 1h giờ 40 phút, ngày 17 tháng 11 năm 2025.... Có sự chứng kiến của:

1. Bà Phụng Thị Phương Thảo: Bệnh viện Đa khoa An Lão
2. Ông Phạm Duy Dương: Trung tâm Quan trắc môi trường

Biên bản được lập xong vào hồi 1h giờ 05 phút ngày 17 tháng 11 năm 2025...., các bên tham dự nhất trí thông qua./

Đại diện nhân dân
(nếu cần)

Đại diện Cơ sở

Đại diện cơ quan
quản lý (nếu cần)

Trung tâm QTMT

Phạm Duy Dương

Phạm Duy Dương

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

**HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HPCEM**



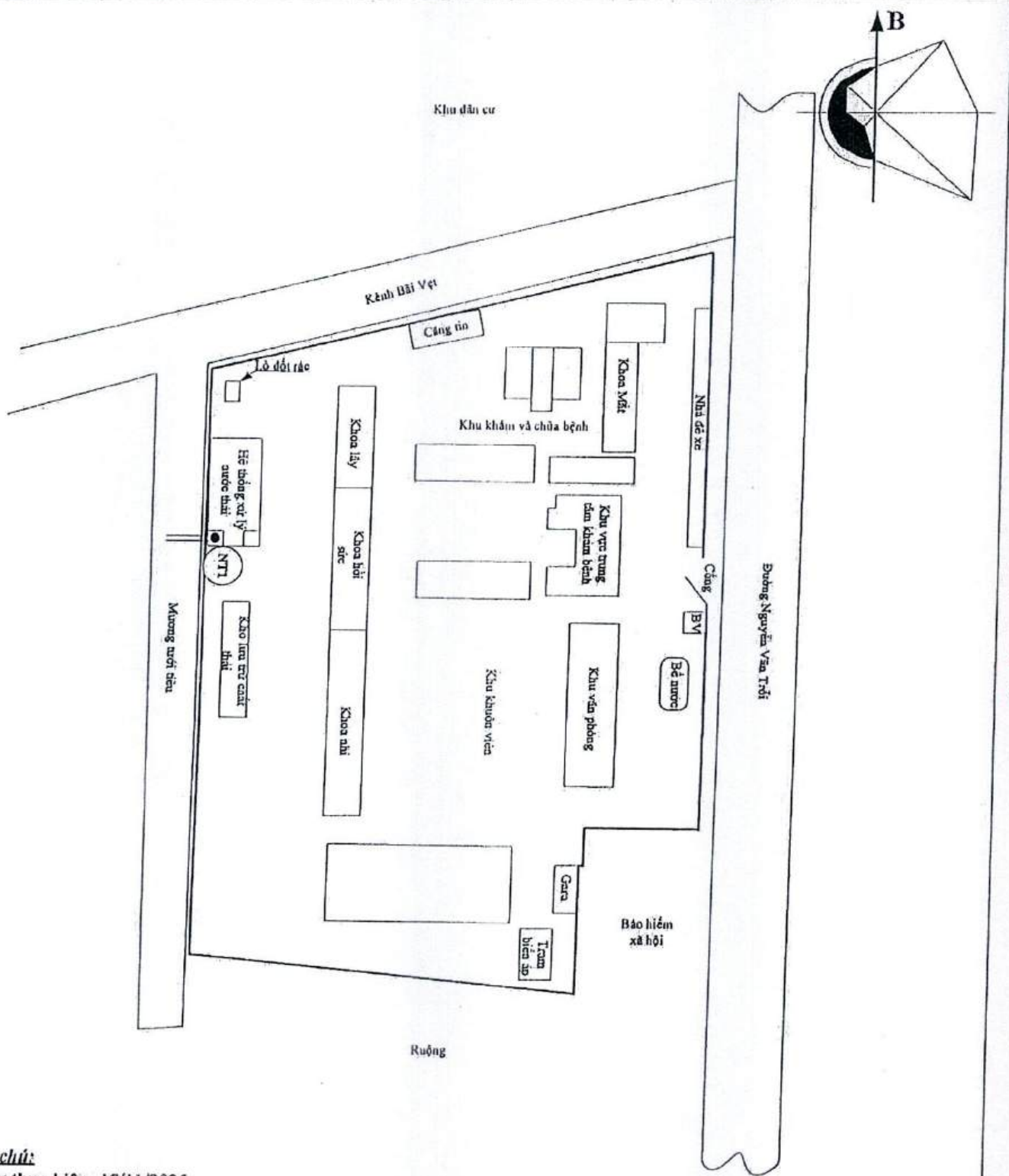
Add: 275 Lạch Tray - Gia Viên - Hải Phòng;
Tel/Fax (84-225) 3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Các thông số quan trắc hiện trường và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện theo GCN số 20/GCN-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (VIMCERT 008) hoặc những nhà thầu phụ thực hiện đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo các Quyết định được phê duyệt.

Danh sách các nhà thầu phụ:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường Miền Bắc trực thuộc Cục kiểm soát ô nhiễm Môi trường (VIMCERT 027).
2. Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm và Khoa học Công nghệ Việt Nam (VIMCERT 079).
3. Trung tâm Tư vấn và Truyền thông môi trường (VIMCERT 208).
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích môi trường (VIMCERT 006).
5. Trung tâm Phân tích và Môi trường (VIMCERT 012).
6. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (VIMCERT 093).
7. Công ty TNHH Môi trường Khoa học và Công nghệ Giang Sơn (VIMCERT 240).

...



Ghi chú:

Ngày thực hiện: 17/11/2025

ĐKTT: Trời nhiều mây, không mưa, nhiệt độ TB 23,0°C,
độ ẩm TB 67%, áp suất 101,2kPa,

NT: Vị trí lấy mẫu nước thải



SỞ NNMT
THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐÀM VĂN QUÝNH

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC VÀ LẤY MẪU

Khách hàng: Bệnh viện Đa khoa An Lão
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Đa khoa An Lão, số 99 đường
Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

THỰC HIỆN

KIỂM TRA

(Signature)

VŨ TÚ LINH

(Signature)

PHẠM DUY DƯƠNG



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lach Tray – Gia Vien – Hai Phong; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngo Quyen – Le Thanh Nghi – Hai Phong; Tel/(84-220)3898.195

Số: 1660/2025/KQQT (1104/008)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER MONITORING

Tên khách hàng/
Name of clients : Bệnh viện đa khoa An Lão.
Ngày quan trắc/
Date of monitoring : 17/11/2025
Địa điểm lấy mẫu/
Place of sample : Bệnh viện đa khoa An Lão – Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS	Giới hạn cho phép/ Allowable limit ⁽¹⁾
				NT1	
1	^(a) pH	TCVN 6492:2011	-	7,21	6,5 – 8,5

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão (nay là xã An Lão). Tọa độ: 2303871.010X; 583593.488Y.

⁽¹⁾: Giới hạn cho phép của các thông số nước thải được quy định tại giấy phép môi trường số 4048/GPMT-UBND ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

^(a): thông số được thực hiện bởi Vincerts 008.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm 2025.

TM. NHÓM QUAN TRẮC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Duy Dương



Đàm Văn Quỳnh



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCem
Add1: 275 Lach Tray – Gia Viên – Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghị - Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2086 /2025/KQTN (1218/008)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

RESULT OF ANALYSIS

Tên mẫu/ : Nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 17/11/2025
Name of sample : Date of sampling
Tên khách hàng/ : Bệnh viện đa khoa An Lão. Ngày phân tích/ : 17/11 –
Name of clients : Date of test 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu/ : Bệnh viện đa khoa An Lão – Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.
Place of sample :

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	Quy chuẩn/ Standards ⁽¹⁾
				NTI	
				11171425	
1	^(a) BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	4,8	36
2	^(a) COD	SMEWW 5220B&C:2023	mg/l	18,4	60
3	^(a) Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	SMEWW 2540D:2023	mg/l	10,0	60
4	^(a) Sunfua (tính theo H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	mg/l	KPH(0,032)	1,2
5	⁽ⁿ⁾ Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,063	6
6	^(a) Nitrat (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ :E:2023	mg/l	0,041	36
7	^(a) Phosphat (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/l	1,8	7,2
8	^(b) Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	<3,5	12
9	**Tổng hoạt độ phóng xạ α	SMEWW 7110B: 2023	Bq/l	0,005	0,12
10	**Tổng hoạt độ phóng xạ β	SMEWW 7110B: 2023	Bq/l	0,039	1,2
11	^(a) Tổng coliforms	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	KPH(2)	3000
12	^(b) Salmonella	TCVN 9717: 2013	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH(1)	KPH
13	^(b) Shigella	SMEWW 9276B: 2023	Vi khuẩn/ 100ml	KPH(1)	KPH
14	^(b) Vibrio cholera	SMEWW 9278B: 2023	Vi khuẩn/ 100ml	KPH(1)	KPH

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCem/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCem.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM
Add1: 275 Lạch Tray – Gia Viên - Hải Phòng; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngô Quyền – Lê Thanh Nghi - Hải Phòng; Tel/(84-220)3898.195

Số: 2086 /2025/KQTN (1218/008)

Ghi chú:

- NT1 (11171425): Mẫu nước thải tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão (nay là xã An Lão). Tọa độ: 2303871.010X; 583593.488Y.

- ⁽¹⁾: Quy chuẩn được áp theo giấy phép môi trường số 4048/GPMT-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Cột A, K=1,2)

- Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có kết quả dưới giới hạn báo cáo.

- Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện.

- KPH(c): Không phát hiện, trong đó c là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS.

(a): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008.

(b): Thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017.

(**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Vimcerts 079).

Hải Phòng, ngày 12 tháng 12 năm 2025.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp



Nguyễn Văn Tuyến

(*) : Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) : Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced in full without the written approval of HPCEM.

Phụ lục 2: Giấy phép môi trường Bệnh viện Đa khoa An Lão (Số:4048/GPMT-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 11 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4048/GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày 05. tháng 11. năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Ủy
ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối
với Bệnh viện đa khoa huyện An Lão tại số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn
An Lão, huyện An Lão;

Xét Văn bản số 25/BVAL ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Bệnh viện Đa
khoa huyện An Lão và hồ sơ kèm theo Văn bản số 232/CV-BVAL ngày 14 tháng
10 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa
huyện An Lão;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
518/TTr-STNMT ngày 16 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão được thực hiện
các hoạt động bảo vệ môi trường tại số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An
Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An
Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập Bệnh viện đa khoa huyện An Lão trực thuộc Sở Y tế Hải Phòng; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02/2015/GPHĐ-BV ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Sở Y tế cấp.

1.4. Mã số thuế: 0200950915.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 8.451,5 m².

- Cơ sở tương đương với Dự án đầu tư nhóm B (theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công) và có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô, công suất: 250 giường bệnh.

- Các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính:

* Công trình 02 tầng khoa khám bệnh, khoa y học cổ truyền.

* Công trình 02 tầng khoa truyền nhiễm, phòng kế hoạch tổng hợp, khu hội trường.

* Khu nhà chờ khoa khám bệnh 01 tầng.

* Khu hành chính 02 tầng.

* Khoa nội 02 tầng.

* Khoa nhi 02 tầng.

* Khoa cận lâm sàng và dây nhà kho lưu trữ 02 tầng.

* Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, khoa dược 02 tầng.

* Công trình 2-3 tầng khoa sản, khoa hồi sức cấp cứu, khoa mắt, khoa ngoại, khoa liên chuyên khoa.

* Nhà ăn bệnh viện 01 tầng.

+ Hạng mục công trình phụ trợ:

* Nhà bảo vệ + nhà thuốc.

* Nhà vệ sinh bệnh nhân.

* Gara ô tô.

* Khu nhà để xe; Trạm điện; sân, đường nội bộ, cây xanh.

+ Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại (12 bể, tổng dung tích 136 m³); Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm; Kho chứa chất thải.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 11 năm 2024 đến ngày 05 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ TN&MT;
- Cục KSONMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, MT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng...năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là của Bệnh viện.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ phòng mổ.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế từ phòng xét nghiệm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy vào mương thoát nước chung của khu vực và xả thải vào kênh Bãi Vẹt thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: tại miệng ống xả nước thải cuối, trước khi chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn thị trấn An Lão, huyện An Lão.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2303871.010$; $Y(m) = 583593.488$
(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải: chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (giá trị C cột A, $K = 1,2$; $C_{\max} = C \times K$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối	Không thuộc đối

2	BOD5 (20°C)	mg/l	36	tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP	tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholera	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01:

+ Nước thải từ bồn cầu nhà vệ sinh → Đường ống nhựa D110 → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải từ bồn rửa, nước thoát sàn nhà vệ sinh → Đường ống nhựa D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02:

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp → Đường ống nhựa D110 → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03:

Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là của Bệnh viện → Đường ống nhựa D200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04:

Nước thải y tế từ phòng mổ sau khi được khử khuẩn ban đầu bằng dung dịch Cloramin B → Đường ống nhựa PVC D110 → Ngăn số 03 của Bể tự hoại ở khu vực nhà 3 tầng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05:

Nước thải y tế phát sinh từ phòng xét nghiệm được thu gom riêng và dẫn tới hố ga ngoại vi bằng hệ thống ống inox (được xử lý sơ bộ bằng dung dịch Cloramin B) → Đường ống PVC D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 03 ngăn: 12 bể, tổng dung tích 136 m³. Quy trình xử lý: nước thải y tế từ các phòng mổ, nước thải sinh hoạt (nước đen) → Bể tự hoại 03 ngăn (Nước thải y tế từ phòng mổ được dẫn về ngăn thứ 3 của bể tự hoại) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Hố ga ngoại vi, dung tích 1,5m³/hố. Quy trình xử lý: nước giặt, nước thải bếp ăn, nước thoát sàn chậu, nước thải y tế từ phòng xét nghiệm → Hố ga ngoại vi (Riêng hố ga ngoại vi thu gom nước thải y tế từ phòng xét nghiệm được xử lý sơ bộ bằng dung dịch Cloramin B) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện. Quy trình xử lý nước thải: Nước thải → Hố ga tách rác, tách dầu → Bể gom và bơm nước thải → Bể yếm khí → Bể hiếu khí → Bể bơm (quá trình hiếu khí) → 02 Thiết bị hợp khối → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga chứa nước thải sau xử lý → Mương thoát nước chung của khu vực → Kênh Bãi Vệt thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ. Bùn thải được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ lấy mẫu, phân định chất thải và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B; men vi sinh xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hóa chất vào bể khử trùng.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

- Trường hợp xảy ra sự cố không thể khắc phục trong ngày, hệ thống xử lý nước phải ngừng hoạt động, Chủ cơ sở phải lưu giữ nước thải trong hệ thống xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải theo quy định, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bệnh viện đa khoa huyện An Lão đã đi vào hoạt động chính thức, không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở.

3.4. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng...năm
2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 2303879.972, Y (m) = 583602.403.
 - Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 2303888.339, Y (m) = 583596.672.
- (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên bơm) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng...năm
2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải lây nhiễm			6.050	NH
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	6.050	
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn				
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao				
	Chất thải giải phẫu				
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			63	
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	63	KS
3	Chất hàn răng Amalgam thải	Rắn	13 01 04		NH
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02		NH
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06		NH
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12		NH
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03		NH
8	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01		KS
Tổng				6.113	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	150.413
2	Chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế	Rắn	930
3	Chất thải rắn thông thường không có khả năng tái sử dụng, tái chế	Rắn	3.563
4	Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại	Bùn	27.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất rắn khác:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 14 tấn/năm.
- Bùn thải hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải khoảng 4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Thiết bị lưu chứa: bố trí các túi màu vàng chứa chất thải lây nhiễm, hộp đựng chất thải sắc nhọn, thùng chứa màu vàng có nắp đậy, tủ đông lạnh bảo quản chất thải lây nhiễm.

+ Kho/khu vực lưu chứa: bố trí kho chứa chất thải lây nhiễm có diện tích khoảng 10,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa màu đen có nắp đậy, dung tích 20 lít - 240 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm và tập kết về kho chứa.

+ Kho/khu vực lưu chứa: bố trí kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích khoảng 10,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

Chất thải nguy hại phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại khác nhau, tập kết về kho lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120-240 để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, cụ thể: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được tập kết về kho chứa chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế, diện tích khoảng 10,5 m².

+ Chất thải thực phẩm được tập kết về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 5 m².

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác được tập kết về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 5 m².

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết về kho chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí túi, thùng chứa chất thải màu trắng, có nắp đậy, dung tích 15 - 120 lít đặt tại các vị trí phát sinh để thu gom chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế.

- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế, diện tích khoảng 10,5 m².

Chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết về kho chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không có khả năng tái sử dụng, tái chế:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích từ 20 lít tại các vị trí phát sinh chất thải rắn thông thường không có khả năng tái sử dụng, tái chế.

- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí kho lưu giữ chất thải rắn thông thường không có khả năng tái sử dụng, tái chế, diện tích khoảng 40 m² phía sau khoa truyền nhiễm.

Chất thải rắn thông thường không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết về kho chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2.4. Chất thải rắn công kênh:

Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn công kênh, diện tích khoảng 25 m² tại phía sau nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn. Chất thải rắn công kênh được phân loại tại nguồn, tập kết về khu vực lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2.5. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường khác:

Bùn thải từ bể tự hoại, định kỳ nạo vét và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải khác:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu giữ tại bể chứa bùn, định kỳ thực hiện phân định chất thải và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải định kỳ nạo vét, thực hiện phân định chất thải và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng...năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Không sử dụng môi chất lạnh cho hệ thống điều hòa không khí nằm trong danh mục cấm; vận hành máy phát điện dự phòng đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện và của khu dân cư xung quanh.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế và Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Phụ lục 3: Hợp đồng và chứng từ chuyển giao chất thải năm 2025

Số: 16/25/HĐ- RYT

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI
(Mã CTNH: 13 01 01, 13 01 02, 13 01 03)

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10/01/2022, có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ban hành ngày 26/11/2021, có hiệu lực từ ngày 10/01/2022 quy định về quản lý chất thải y tế;
- Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 02/3/2001 của UBND thành phố Hải Phòng về việc bổ sung nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ;
- Căn cứ Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 2.099.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 25/12/2019;
- Căn cứ vào Ủy quyền số 649 ngày 18/12/2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2024 Tại Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị, chúng tôi gồm:

1. Bên cung cấp dịch vụ (gọi tắt là bên A)

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Đại diện : Bà Phạm Thị Thu An - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Tel/fax : 0225.3746058 - Email: phongkinhdoanh.mtdt1@gmail.com

Trụ sở : Số 01 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mã số thuế : 0200149536

Tài khoản số: 2112 201 022 230 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng.

2. Bên hưởng dịch vụ (gọi tắt là bên B)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO

Đại diện là : Ông Dương Đức Huân - Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở : Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, Thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

Điện thoại : 0225.3872714

Mã số thuế : 0200950915

Số tài khoản: 3716.2.1006810.00000 tại kho bạc Nhà nước An Lão

Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại (CTNH) với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng:

1. Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ và bên B đồng ý sử dụng dịch vụ cho việc thu gom, vận chuyển - xử lý chất thải y tế nguy hại của đơn vị mình trong phạm vi chất thải nguy hại được phép vận chuyển, xử lý quy định tại Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 2.099.VX cấp lần 2 ngày 25/12/2019 dưới đây:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	kg
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	13 01 02	kg
3	Chế phẩm/dược phẩm/Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	Rắn	13 01 03	kg

2. Vận chuyển và xử lý những CTNH này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về vận chuyển, xử lý CTNH và bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

Điều 2: Khối lượng dịch vụ:

1. Phương pháp xác định khối lượng chất thải y tế nguy hại: bằng cân hoặc định mức mà 2 bên nhất trí.

2. Khối lượng dịch vụ thanh toán là: Khối lượng chất thải y tế nguy hại thu gom, vận chuyển - xử lý hàng tháng: Khối lượng thực tế (kg/tháng), có bản xác nhận khối lượng hàng tháng.

Điều 3: Hình thức, giá trị hợp đồng:

1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

2. Giá trị hợp đồng:

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại: 20.000 đồng/kg (Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND thành phố Hải Phòng).

- Tổng giá trị hợp đồng:

$\text{Khối lượng thực tế (kg)} \times 20.000 \text{ đồng/kg} + \text{Thuế GTGT}$

Điều 4: Phương thức thanh toán:

1. Hai bên sẽ lập biên bản và chứng từ tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở cho việc thanh toán.

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3. Thời hạn thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A sau khi nhận được chứng từ hóa đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

Điều 5: Địa điểm, thời gian, số lượng, phương tiện vận chuyển:

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại địa điểm số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, thành phố Hải Phòng.

2. **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại Nhà máy xử lý chất thải rắn thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải Trảng Cát – P Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng.

3. **Thời gian giao nhận:** Theo khối lượng thực tế và thỏa thuận giữa bên A và bên B.

4. **Số lượng chất thải:** Tùy theo lượng chất thải phát sinh của bên B nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên A.

5. **Phương tiện vận chuyển:** Bên A chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho chất thải lên xe.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A:

1. Bên A có các quyền sau:

1.1 Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản trong hợp đồng này; kiểm tra chất thải y tế nguy hại của bên B trước khi thu gom và xử lý, lập biên bản nếu bên B vi phạm hợp đồng.

1.2 Ngừng cung cấp dịch vụ khi bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán và các quy định về quản lý chất thải y tế nguy hại. Việc cung cấp dịch vụ trở lại chỉ được tiến hành sau khi bên B thanh toán đầy đủ các khoản nợ tiền dịch vụ hoặc thực hiện đầy đủ Quyết định xử lý của các cấp có thẩm quyền và trả đủ các chi phí khắc phục vi phạm theo quyết định.

1.3 Yêu cầu bên B trang bị đầy đủ dụng cụ chứa đựng và thực hiện việc chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị.

1.4 Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để bên A thực hiện công việc thu gom, vận chuyển - xử lý chất thải và kiểm tra theo điểm 1.1 của điều khoản này được nhanh chóng, thuận lợi.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau:

2.1. Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên B thời gian đến nhận chất thải.

2.2. Thực hiện vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại CTNH của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý bằng phương tiện chuyên dụng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.3. Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

2.4. Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng đối với CTNH của bên B.

2.5. Hoàn thành đầy đủ chứng từ CTNH theo đúng quy định của pháp luật cho bên B và giao lại chứng từ cho bên B đúng thời hạn.

0149596
CÔNG TY
TNHH
THÀNH V
TRƯỜNG D
HẢI PHÒNG
SANG TP

2.6. Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để cùng phối hợp giải quyết.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của bên B:

1. Bên B có các quyền sau:

1.1. Yêu cầu bên A đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên B vào thời gian đã thoả thuận để vận chuyển chất thải y tế.

1.2. Yêu cầu bên A cung cấp các giấy tờ pháp lý và giấy phép hoạt động vận chuyển, xử lý CTNH để bên B giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước.

2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

2.1. Trước khi bàn giao chất thải, bên B phải thông báo cho bên A để bên A có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

2.2. Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh (túi đựng rác, thùng chứa rác) theo quy định của Bộ y tế.

2.3. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên bên A thực hiện việc thu gom, vận chuyển - xử lý chất thải và thanh toán tiền dịch vụ.

2.4. Chuyển giao chất thải cho bên A, yêu cầu ghi rõ tên - số lượng CTNH và ký nhận khi bàn giao.

2.5. Cử cán bộ phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

2.6. Các nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

1. Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các điều khoản trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

2. Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng, nếu không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại Toà án theo quy định của Pháp luật. Chi phí do việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh sẽ do bên có lỗi chịu.

Điều 9: Sự kiện bất khả kháng:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Thông báo ngay cho bên kia trong vòng 3 ngày ngay sau sự kiện xảy ra.
- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 10: Điều khoản chung:

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.
2. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính thoả thuận, thống nhất giữa hai bên hoặc Quyết định về việc điều chỉnh đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thì bên A sẽ thông báo cho bên B để hai bên tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng.
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về công tác quản lý, xử lý chất thải y tế của thành phố. Nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng.
4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị Pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu An



GIÁM ĐỐC
Dương Đức Huân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI KHÔNG LÂY NHIỄM
Số: 000017 /2025/HĐYT BV

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH11 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
 - Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
 - Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.
 - Căn cứ Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
 - Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
 - Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-YTR ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế;
 - Căn cứ Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 30/12/2022.
 - Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão và khả năng của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn
- Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão, chúng tôi gồm:

Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO (Đơn vị chủ nguồn thải)

Địa chỉ : Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 02253.872117

Mã số thuế : 0200950915

Tài khoản số : 3716.2.1006810.00000 tại Kho bạc Nhà nước An Lão;

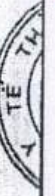
Người đại diện: Ông Dương Đức Huân

Chức vụ: Giám đốc

Người lập: Trần Bình Trọng

HĐYT BV: BV ĐK An Lão – Ureco Bắc Sơn

Người kiểm tra: Đình Huy Dệ



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (*Đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm*)

Địa chỉ đăng ký kinh doanh : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch : Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng và thời hạn của hợp đồng:

1.1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

1.2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025 đến ngày 16 tháng 01 năm 2026

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	43.750
2	Chất hàn răng Amalgam thải	Rắn	13 01 04	43.750
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	Rắn	13 03 02	43.750
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	43.750
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	43.750
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	43.750
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	43.750

Ghi chú: Nước thải, hóa chất thải dạng lỏng được đựng trong can 20 lít không bị rò rỉ trước khi chuyển giao

2.2. Địa điểm giao, nhận chất thải: Tại khu lưu giữ chất thải y tế của bên A

Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: 06 tháng/lần, sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày làm việc.

2.4. Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969.716.336 hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định.

2.6. Địa điểm xử lý: Toàn bộ chất thải y tế nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển, xử lý tại Khu xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn - Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

2.7. Phương thức xử lý: theo đúng phương án xử lý được qui định tại Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép ngày 30/12/2022 cấp phép cho bên B.

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán

3.1. Giá vận chuyển, xử lý:

- Giá vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại không lây nhiễm là: **14.000.0000 đồng/năm** (Mười bốn triệu đồng chẵn/một năm), chưa bao gồm VAT, được áp dụng cho khối lượng chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm cần vận chuyển, xử lý tối đa là 320 kg/năm.

- Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm vượt quá 320 kg/năm thì Bên A sẽ phải thanh toán phí vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh cho mỗi kg là 5.000 đồng/kg (chưa bao gồm thuế VAT). Căn cứ theo chi phí vận chuyển, xử lý thực tế chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm tại thời điểm phát sinh, Bên B có thể điều chỉnh đơn giá cho phù hợp và thông báo cho Bên A bằng văn bản.

- Theo quy định hiện hành, thuế VAT đối với việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại không lây nhiễm do Bên A chịu.

3.2. Bên A tạm ứng cho Bên B mặt số tiền là: **15.120.000 đồng** (Mười lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn)- đã bao gồm VAT 8% .



3.3. Hai bên thực hiện lập chứng từ chất thải nguy hại khi thực chuyển giao, xử lý làm cơ sở nghiệm thu và thanh quyết toán Hợp đồng.

3.4. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của bên B, chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng và bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

a) Trước khi giao chất thải cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm tại các khoa/ phòng/ trung tâm theo quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Bên A đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau. Nếu có phát sinh khối lượng nước thải, hóa chất thải danh lỏng thì được đựng trong can 20 lít.

b) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

c) Bên A cử nhân viên giao nhận, xác nhận chủng loại, khối lượng chất thải bàn giao trong chứng từ chất thải nguy hại để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

d) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A không được tự ý chuyển chất thải có trong danh mục hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức và lý do nào.

e) Chất thải phải phân loại, quản lý từ nguồn theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng của về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường.

g) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

h) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.

i) Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình vận chuyển và xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì Bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng của Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826, fax: 024 62754827.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

a) Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

b) Bên B có trách nhiệm vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng. Đảm bảo xử lý toàn bộ chất thải được vận chuyển đến theo hợp đồng này, tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm về những sự cố xảy ra (nếu có).

c) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

d) Lập biên bản nghiệm thu tổng hợp khối lượng và hóa đơn giá trị gia tăng nộp cho bên A để làm chứng từ thanh toán.

e) Sau khi chất thải được Bên B vận chuyển ra khỏi địa bàn của Bên A, nếu có sự cố nào xảy ra (như thất thoát, ảnh hưởng môi trường công cộng...) Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

g) Thông tin đầy đủ bằng văn bản cho bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

h) Bên B có toàn quyền thu hồi các chất thải có khả năng tái chế sau khi đã xử lý theo quy định của pháp luật môi trường Việt Nam.

i) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

k) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

Điều 6: Bảo mật

a) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

b) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Điều 7: Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

a) Hợp đồng hết hạn;

b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

a) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

b) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 9: Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm

kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 10: Các điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 16/01/2025 đến hết ngày 16/01/2026. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và được sự đồng ý của bên kia trước khi thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Huân



GIÁM ĐỐC
TRẦN VŨ HIỆP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
Số: 01/2025/HĐDV/TG-BVAL

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 27/06/2005 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và khả năng thực hiện của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2025 tại văn phòng Công ty TNHH môi trường Thùy Giang

*** BÊN A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO**

- Đại diện : Ông **DƯƠNG ĐỨC HUẤN** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 02253.872.714
- Mã số thuế: 0200950915
- Tài khoản: 3716.2.1006810.00000 và tại KBNN: Phòng Giao dịch số 4 – Kho bạc Nhà nước khu vực III

*** BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THÙY GIANG**

- Đại diện: Ông **BÙI XUÂN ĐƯƠNG** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tổ dân phố 9 – Phường Bạch Đằng – TP Hải Phòng.
- Điện thoại: 0912 032 067
- MST: 0201811551.
- Tài khoản: 2115201001599 Tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Bạch Đằng, Bắc Hải Phòng.

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt với những nội dung như sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A: có trách nhiệm tập kết chất thải tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt của bên A theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định không gây ô nhiễm môi trường mất mỹ quan đô thị. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt hàng ngày tại điểm tập kết của Bên A về bãi rác của địa phương.



- + Địa điểm giao nhận chất thải: Tại điểm tập kết rác của Bên A.
- + Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành vận chuyển chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng phải đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện.
- + Phương tiện vận chuyển:
- + Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện để vận chuyển chất thải về bãi rác của địa phương, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- + Nhân sự:
- + Cán bộ làm việc với bên A phải là người được ủy quyền hợp pháp của bên B.
- + Đảm bảo an toàn về con người trong quá trình làm việc.

Điều 2: GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG

- Tổng giá trị hợp đồng trọn gói/ quý: 23.328.000 đ/ quý (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng)

(Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế VAT theo quy định của Nhà nước)

Điều 3: LOẠI HỢP ĐỒNG

- Là hợp đồng trọn gói

Điều 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Thực hiện từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 30/09/2025, Hàng quý sau khi hoàn thành công việc sẽ tiến hành làm nghiệm thu và xuất hóa đơn GTGT theo quy định.

Điều 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ
- Chứng từ thanh toán:
- + Hoá đơn GTGT
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản theo từng lần phát sinh hóa đơn và theo thông tin như sau:
- + Công ty TNHH môi trường Thùy Giang:
- + Số tài khoản: 2115201001599 tại ngân hàng Agri Bank chi nhánh Bạch Đằng – Bắc Hải Phòng
- Các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng do hai bên tự thỏa thuận

Điều 6: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

**** Trách nhiệm của bên A:***

- Chứa rác vào bao nylon cột kín miệng hoặc thùng chứa rác chuyên dụng chuẩn, thực hiện các quy định về phân loại rác thải tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp, rác thải có thể gây cháy, nổ vào chung rác thải sinh hoạt.
- Nếu xảy ra tình trạng rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt không nguy hại, Bên B có quyền từ chối vận chuyển rác thải ngày hôm đó (hai bên lập biên



bản sự việc), Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí, vận chuyển tương ứng với khối lượng vận chuyển tối thiểu trong tháng theo đơn giá trong hợp đồng.

- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí thỏa thuận, nơi lưu chứa phải thuận tiện cho xe lấy rác vào vận chuyển.

- Thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng này trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn thanh toán của bên B. Nếu bên A không thanh toán thì bên B có quyền dừng cung cấp dịch vụ và đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Thực hiện đúng các quy định về phân loại rác thải tại nguồn.

- Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng đột biến để hai bên cùng thống nhất phương án thu gom vận chuyển. Không thỏa thuận được bên B có quyền dừng thu gom vận chuyển.

*** Trách nhiệm của bên B:**

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến nhận rác thải sinh hoạt không nguy hại do Bên A giao theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường. Phương tiện vận chuyển được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi xe vào lấy rác.

- Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại rác thải nguy hại, rác thải y tế và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A giao cho bên B.

Thực hiện đúng theo quy định vệ sinh môi trường về việc vận chuyển xử lý rác thải.

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 8: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Thời hạn hợp đồng: hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi bên A thanh toán hết số tiền công nợ hợp đồng tự động được thanh lý.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Huân



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

BÙI XUÂN ĐƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ THÔNG THƯỜNG VÀ BÙN THẢI

Số: **000018** /2025/HĐYTBV

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH11 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Căn cứ Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-YTR ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế;

- Căn cứ Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 30/12/2022.

- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão và khả năng của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão chúng tôi gồm:

Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO (Đơn vị chủ nguồn thải)

Địa chỉ : Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố
Hải Phòng

Điện thoại : 02253.872117

Mã số thuế : 0200950915

Tài khoản số : 3716.2.1006810.00000 tại Kho bạc Nhà nước An Lão.

Người đại diện: Ông Dương Đức Huân

Chức vụ: Giám đốc



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN *(Đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường và bùn thải)*

Địa chỉ đăng ký kinh doanh : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch : Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng và thời hạn của hợp đồng:

1.1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường và bùn thải phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

1.2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025 đến ngày 16 tháng 01 năm 2026

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế thông thường và bùn thải ở dạng rắn/lỏng, bùn.

2.2. Địa điểm giao, nhận chất thải: Tại khu lưu giữ chất thải y tế của bên A

Địa chỉ: Tổ dân phố Ninh Hải 1, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: 03 lần/tháng, sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày làm việc.

2.4. Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969.716.336 hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định.

2.6. Địa điểm xử lý: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn,

2.7 Số lượng: căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.

2.8. Phương thức xử lý: theo đúng phương án xử lý được quy định tại Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép ngày 30/12/2022 cấp phép cho bên B.

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán**3.1. Đơn giá**

TT	Danh mục chất thải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải rắn y tế thông thường khác còn lại (Vỏ chai thủy tinh, thuốc hết hạn không có tính chất nguy hại, vật liệu thải sắc nhọn không lây nhiễm...)	Kg	01	9.000
2	Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải y tế.	Tấn	01	5.000.000

Ghi chú: đơn giá này chưa vào gồm VAT.

3.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3.3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải y tế thông thường và bùn thải và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến. Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận thực tế làm cơ sở nghiệm thu và thanh quyết toán Hợp đồng.

3.4. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B định kỳ ba (03) tháng. Kinh phí thanh toán được bên A chuyển trả bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của bên B. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng và bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên**4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:**

a) Trước khi giao chất thải cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, đóng gói chất thải y tế thông thường và bùn thải tại các khoa/ phòng/ trung tâm theo quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Bên A đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

b) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

c) Bên A cử nhân viên giao nhận, xác nhận khối lượng chất thải bàn giao trong Biên bản bàn giao chất thải thông thường và bùn thải để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

d) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A không được tự ý chuyển chất thải có trong danh mục hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức và lý do nào.

e) Chất thải phải được quản lý từ nguồn theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND

g) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

Người lập: Trần Bình Trọng

HDYTBT: B1 DK An Lâu – Urenco Bắc Sơn

Người kiểm tra: Đinh Huy Dệ



h) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.

i) Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình vận chuyển và xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì Bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng của Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826, fax: 024 62754827.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

a) Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

b) Bên B có trách nhiệm vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng địa điểm, thời gian đã thống nhất theo hợp đồng, tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm về những sự cố xảy ra (nếu có).

c) Thông tin đầy đủ bằng văn bản cho bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

e) Sau khi chất thải được Bên B vận chuyển ra khỏi địa bàn của Bên A, nếu có sự cố nào xảy ra (như thất thoát, ảnh hưởng môi trường công cộng...) Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

d) Bên B cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

g) Lập biên bản nghiệm thu tổng hợp khối lượng và hóa đơn giá trị gia tăng nộp cho bên A để làm chứng từ thanh toán.

h) Bên B có toàn quyền thu hồi các chất thải có khả năng tái chế sau khi đã xử lý theo quy định của pháp luật môi trường Việt Nam.

i) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

Điều 6: Bảo mật

a) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

b) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Điều 7: Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- a) Hợp đồng hết hạn;
- b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

- a) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- b) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 9: Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 10: Các điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 16/01/2025 đến ngày 16/01/2026. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và được sự đồng ý của bên kia trước khi thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.



Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Trần Vũ Hiệp

1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN PHÉ LIỆU KHÔNG CHỨA THÀNH PHẦN NGUY HẠI
Số: **000005** /2025/HDKT

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH11 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Căn cứ Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-YTR ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/12/2022.
- Căn cứ nhu cầu của hai bên

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão, chúng tôi gồm:

Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO (Bên bán)

Địa chỉ : Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố
Hải Phòng

Điện thoại : 02253.872117

Mã số thuế : 0200950915

Tài khoản số : 3716.2.1006810.00000 tại Kho bạc Nhà nước An Lão.

Người đại diện: Ông Dương Đức Huân

Chức vụ: Giám đốc

Người lập: Trần Bình Trọng

HĐYTBF, BV ĐK An Lão – Ureco Bắc Sơn

Người kiểm tra: Đinh Huy Dế



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SON (Bên mua)

Địa chỉ đăng ký
kinh doanh : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao
dịch : Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP. Hà
Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt
Nam CN Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng và thời hạn của hợp đồng:

1.1. Bên A đồng ý bán cho Bên B và Bên B đồng ý mua phế liệu không chứa thành phần nguy hại từ nơi lưu giữ phế liệu của Bên A.

1.2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025 đến ngày 16 tháng 01 năm 2026

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

2.1. Đặc tính phế liệu: phế liệu có khả năng tái chế không chứa thành phần nguy hại ở trạng thái rắn.

2.2. Địa điểm giao, nhận phế liệu: Tại khu lưu giữ phế liệu của bên A

2.3. Thời gian giao nhận: 03 tháng/lần, sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày làm việc.

2.4. Điện thoại thường trực khi gọi lấy phế liệu: 0969.716.336 hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định.

2.6. Số lượng: căn cứ vào lượng phế liệu phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán**3.1. Đơn giá**

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá mua (VNĐ)
1	Giấy Krap, thùng carton	Kg	01	1.500
2	Nhựa các loại	Kg	01	2.000

Ghi chú: đơn giá này đã bao gồm VAT.

3.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3.3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận phế liệu khi chuyển giao và tổng hợp khối lượng phế liệu giao nhận của từng chuyển. Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận thực tế làm cơ sở nghiệm thu và thanh quyết toán Hợp đồng.

3.4. Phương thức thanh toán: Bên B xuất hóa đơn thanh toán cho Bên A chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên**4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:**

a) Trước khi giao phế liệu cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, đóng gói chai nhựa, bìa carton tại các khoa/ phòng/ trung tâm đảm bảo chai nhựa và bìa carton trước khi giao cho Bên B để không nhiễm thành phần nguy hại, chai nhựa đảm bảo cắt hết nước và khô. Bên A đảm bảo thành phần phế liệu đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại phế liệu với nhau. Sau mỗi lần thu gom phải thu dọn sạch sẽ tại nơi lấy phế liệu.

b) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển phế liệu trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xếp phế liệu lên phương tiện vận chuyển.

c) Bên A cử nhân viên giao nhận, xác nhận khối lượng phế liệu giao trong Biên bản giao để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

d) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A không được tự ý chuyển phế liệu có trong danh mục hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức và lý do nào.

e) Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình chuyển giao phế liệu, nếu xảy ra phát sinh gì thì Bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng của Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826, fax: 024 62754827.

PHÒNG
N. Đ. NGH
SỞ
PH
I VI
CHO
LÀO
PH
VIỆN
HOA
NAN L
ĐY

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

a) Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên A theo **Điều 3** của Hợp đồng.

b) Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao phế liệu và thông báo cho bên A thời gian đến nhận phế liệu

c) Thông tin đầy đủ bằng văn bản cho bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển phế liệu (nếu có)

d) Sau khi phế liệu được Bên B vận chuyển ra khỏi địa bàn của Bên A, nếu có sự cố nào xảy ra Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

e) Bên B cùng Bên A xác nhận khối lượng phế liệu chuyển giao để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

g) Lập biên bản nghiệm thu tổng hợp khối lượng và hóa đơn giá trị gia tăng gửi cho bên A để làm chứng từ thanh toán.

h) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ phế liệu không phù hợp với hồ sơ phế liệu thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số phế liệu đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần phế liệu phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

Điều 6: Bảo mật

a) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

b) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Điều 7: Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

a) Hợp đồng hết hạn;

b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

c) Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên B nếu Bên B không thanh toán tiền mua phế liệu theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị của Bên A.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

a) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

b) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền, đề trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 9: Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 10: Các điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 16/01/2025 đến hết ngày 16/01/2026. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và được sự đồng ý của bên kia trước khi thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên. Nếu thông qua thương lượng không giải quyết được hai bên sẽ thực hiện giải quyết tại toà án nhân dân thành phố Hà Nội.



Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Huân



GIÁM ĐỐC
TRẦN VŨ HIỆP

1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng ngày 16 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ THÔNG THƯỜNG VÀ BÙN THẢI
Số: **000018** /2025/HĐYTBV

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH11 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Căn cứ Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-YTR ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 30/12/2022.
- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão và khả năng của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

Hôm nay, ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão chúng tôi gồm:

Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO (Đơn vị chủ nguồn thải)

Địa chỉ : Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, thành phố
Hải Phòng

Điện thoại : 02253.872117

Mã số thuế : 0200950915

Tài khoản số : 3716.2.1006810.00000 tại Kho bạc Nhà nước An Lão.

Người đại diện: Ông Dương Đức Huấn

Chức vụ: Giám đốc

Người lập: Trần Bình Trọng

HĐYTBI: BV ĐK An Lão – Urenco Bắc Sơn

Người kiểm tra: Đinh Huy Dê



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (*Đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường và bùn thải*)

Địa chỉ đăng ký kinh doanh : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch : Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng và thời hạn của hợp đồng:

1.1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường và bùn thải phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

1.2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025 đến ngày 16 tháng 01 năm 2026

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

2.1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế thông thường và bùn thải ở dạng rắn/lỏng, bùn.

2.2. Địa điểm giao, nhận chất thải: Tại khu lưu giữ chất thải y tế của bên A

Địa chỉ: Tổ dân phố Ninh Hải 1, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

2.3. Thời gian giao nhận: 03 lần/tháng, sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày làm việc.

2.4. Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969.716.336 hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định.

2.6. Địa điểm xử lý: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn,

2.7 Số lượng: căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.

2.8. Phương thức xử lý: theo đúng phương án xử lý được qui định tại Giấy phép môi trường số 438/GPMT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép ngày 30/12/2022 cấp phép cho bên B.

Điều 3: Đơn giá và phương thức thanh toán**3.1. Đơn giá**

TT	Danh mục chất thải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải rắn y tế thông thường khác còn lại (Vỏ chai thủy tinh, thuốc hết hạn không có tính chất nguy hại, vật liệu thải sắc nhọn không lây nhiễm...)	Kg	01	9.000
2	Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải y tế.	Tấn	01	5.000.000

Ghi chú: đơn giá này chưa vào gồm VAT.

3.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3.3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải y tế thông thường và bùn thải và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến. Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận thực tế làm cơ sở nghiệm thu và thanh quyết toán Hợp đồng.

3.4. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B định kỳ ba (03) tháng. Kinh phí thanh toán được bên A chuyển trả bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của bên B. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng và bên A nhận được hóa đơn tài chính của bên B.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên**4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:**

a) Trước khi giao chất thải cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, đóng gói chất thải y tế thông thường và bùn thải tại các khoa/ phòng/ trung tâm theo quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Bên A đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

b) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ Bên B xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

c) Bên A cử nhân viên giao nhận, xác nhận khối lượng chất thải bàn giao trong Biên bản bàn giao chất thải thông thường và bùn thải để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

d) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A không được tự ý chuyển chất thải có trong danh mục hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức và lý do nào.

e) Chất thải phải được quản lý từ nguồn theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND

g) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.



h) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo **Điều 3** của Hợp đồng.

i) Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình vận chuyển và xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì Bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng của Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826, fax: 024 62754827.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

a) Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

b) Bên B có trách nhiệm vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng địa điểm, thời gian đã thống nhất theo hợp đồng, tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm về những sự cố xảy ra (nếu có).

c) Thông tin đầy đủ bằng văn bản cho bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

e) Sau khi chất thải được Bên B vận chuyển ra khỏi địa bàn của Bên A, nếu có sự cố nào xảy ra (như thất thoát, ảnh hưởng môi trường công cộng...) Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm.

d) Bên B cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

g) Lập biên bản nghiệm thu tổng hợp khối lượng và hóa đơn giá trị gia tăng nộp cho bên A để làm chứng từ thanh toán.

h) Bên B có toàn quyền thu hồi các chất thải có khả năng tái chế sau khi đã xử lý theo quy định của pháp luật môi trường Việt Nam.

i) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

Điều 6: Bảo mật

a) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

b) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Điều 7: Sửa đổi và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- a) Hợp đồng hết hạn;
- b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
- c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại Điều 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp

- a) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- b) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 9: Bất khả kháng

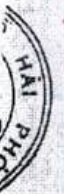
1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 10: Các điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 16/01/2025 đến ngày 16/01/2026. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo.

Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và được sự đồng ý của bên kia trước khi thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.



Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

TRẦN VŨ HIỆP

TỈNH/THÀNH PHỐ

HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01.07/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	82	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	122	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	97	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	15	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					3215	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiều/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 28 tháng 1 năm 2025



GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Dương Đức Huân

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 28 tháng 1 năm 2025

CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP

XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nguyễn Thế Dương

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 02.72/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ²
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	103	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	146	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	111	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	14	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
Tổng						3746	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kềm tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký: Ngày: 22/12/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG, ngày 22 tháng 2 năm 2025

XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 03.142/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	79	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	127	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	108	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	18	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					332kg	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký: Ngày: 28/3/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

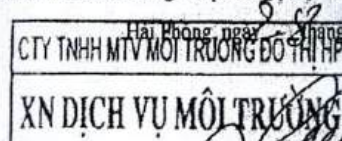


Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)
Đương Đức Huân

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)
Nguyễn Thế Dương

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ

HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 04.211/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 :

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở :

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	83	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	129	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	132	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	16	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					365kg	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký:

Ngày: 28/4/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hải Phòng, ngày 7 tháng 4 năm 2025



GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 7 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

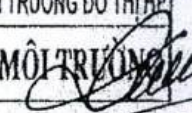
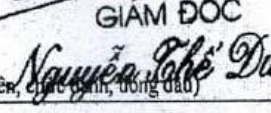
XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

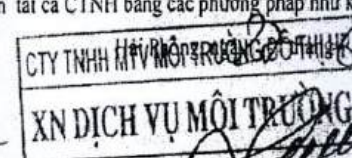
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Dương

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 05.281/2025/32/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG		Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3747787					
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO		Mã số QLCTNH: 31.000718.T					
Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	79	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	158	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	83	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	14	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
Tổng						334kg	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61; 15C-352.45; 15C-352.66			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung				Ký: 		Ngày: 29/5/2025	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày:	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2025  GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) 				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Hải Phòng, ngày 29 tháng 5 năm 2025 CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG  GIÁM ĐỐC (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) 			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 06.368/2025/32/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG		Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3747787					
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, phường Trảng Cát, quận Hải An, TP. Hải Phòng							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN AN LÃO		Mã số QLCTNH: 31.000718.T					
Địa chỉ văn phòng: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
Địa chỉ cơ sở: Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn An Lão, TP. Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	97	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	142	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	69	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	20	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
Tổng						3285	
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61; 15C-352.45; 15C-352.66					
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung		Ký:		Ngày: 27/6/2025			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:		Ký:		Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)		8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4					
 Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2025 (PKý, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) PHÓ GIÁM ĐỐC BSCKT: Cao Trung Dũng		 năm 2025 (XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG) (PKý, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu) GIÁM ĐỐC Nguyễn Thế Dương					
		☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒					

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 07.422/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	95	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	146	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	77	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	12	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					330 kg	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký:

Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

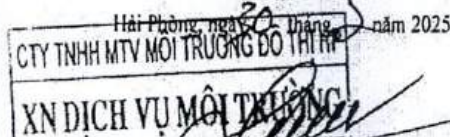
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

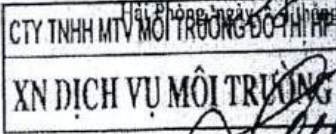
8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

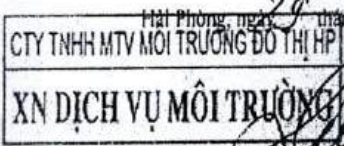


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Dương

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 08.493/2025/32/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG		Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3747787					
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO		Mã số QLCTNH: 31.000718.T					
Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	94	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	140	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	69	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	11	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
Tổng						314kg	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61; 15C-352.45; 15C-352.66			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung				Ký: 		Ngày: 28/8/2025	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày:	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (họ tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, email, website, mã số thuế, mã số doanh nghiệp, mã số ngành kinh tế, mã số ngành nghề kinh doanh, mã số thuế giá trị gia tăng, mã số thuế thu nhập doanh nghiệp, mã số thuế thu nhập cá nhân, mã số thuế thu nhập khác, mã số thuế thu nhập khác)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
 Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2025 GIÁM ĐỐC Dương Đức Huân (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)				 Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2025 GIÁM ĐỐC Nguyễn Thế Dương (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)			
*Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □							

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 09.558/2025/32/GPMT-BTNMT					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG		Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT					
Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3747787					
Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO		Mã số QLCTNH: 31.000718.T					
Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng		ĐT: 0225.3872478					
4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	X			13 01 01	96	TD
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	X			13 01 01	114	TD
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	X			13 01 01	74	TD
4	Chất thải giải phẫu	X			13 01 01	18	TD
5	Hợp chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	X			13 01 02		TD
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	X			13 01 03		TD
Tổng						3526	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61; 15C-352.45; 15C-352.66			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung		Ký:		Ngày: 29/6/2025			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:		Ký:		Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)  Hải Phòng, ngày 09 tháng 6 năm 2025 GIÁM ĐỐC Dương Đức Huân (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2025 XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Thế Dương (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

TỈNH/THÀNH PHỐ

HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 10.627/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	95	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	152	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	22	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	12	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
Tổng						331kg	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký: Ngày: 30/10/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

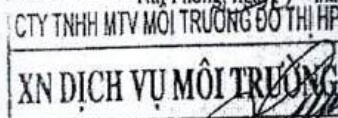


PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Dương

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ

HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11.696/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tráng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 :

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở :

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	84	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	124	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	52	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	11	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					266g	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

. Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký:

Ngày: 27/11/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

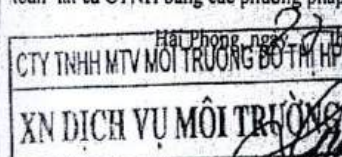


PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Trịnh Quang Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Dương

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12.780/2025/32/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Mã số QLCTNH: 32/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3747787

Địa chỉ cơ sở: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN LÃO

Mã số QLCTNH: 31.000718.T

Địa chỉ văn phòng: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

Địa chỉ cơ sở: Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng

ĐT: 0225.3872478

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	x			13 01 01	92	TĐ
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	x			13 01 01	149	TĐ
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	x			13 01 01	67	TĐ
4	Chất thải giải phẫu	x			13 01 01	10	TĐ
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	x			13 01 02		TĐ
6	Các loại dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 01 03		TĐ
	Tổng					318kg	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khắc (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-296.20; 15C-330.61;

15C-352.45; 15C-352.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Quang Trung

Ký:

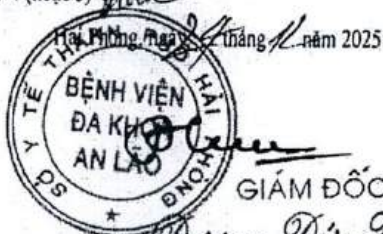
Ngày:

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG, ngày 24 tháng 6 năm 2025

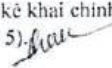
XN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Dương

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI				
HÀ NỘI			Số: 5928 /2025/438/GPMT-BTNMT				
1. Chủ CS DV XL CTNH: Công ty cổ phần Môi trường đô Thị và Công nghiệp Bắc Sơn			Mã số QLCTNH: 438/GPMT-BTNMT				
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn 2, xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			ĐT: 024. 62918876				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:			Mã số QLCTNH				
Địa chỉ văn phòng:			ĐT:				
Địa chỉ cơ sở:			ĐT:				
3. Chủ nguồn thải: Bệnh viện Đa khoa An Lão Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):							
Địa chỉ: 99 Nguyễn Văn Trỗi, Xã An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			160106	10	
2	Hộp mực in thải	x			080204	5	
3	Hóa chất thải	x			130102	50	
4	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	x			130302	1	
5	Pin, ắc quy thải	x			160112	7	
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:			Cửa khẩu nhập				
Số hiệu phương tiện:			Ngày xuất cảng:				
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4			Số hiệu phương tiện vận chuyển: ...29H 76701				
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Nguyễn Thị Vân Anh			Ký:  Ngày: 02/12/2025				
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:			Ký: Ngày:				
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5): 				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025				Hà Nội, ngày tháng năm			
 GIÁM ĐỐC 							
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

Phụ lục 4: Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 4 năm 2006

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Hai Phong Center for Environmental Monitoring- HACEM

Trụ sở chính: Số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 031.641595

Tổng vốn đăng ký: 6.000.000.000 VND

Quyết định thành lập: Số 2404/QĐ-UB, ngày 19/10/2005

Cơ quan quyết định thành lập: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng

Số Đăng ký: 002.06 /NL-KHCN

Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ:

- Thực hiện định kỳ Quan trắc hiện trạng và Quan trắc tác động về môi trường cho các đối tượng có nhu cầu.
- Nghiên cứu và đào tạo khoa học về môi trường; ứng dụng công nghệ mới vào công tác nghiên cứu bảo vệ môi trường; thực hiện các đề tài khoa học, các dự án về Quan trắc và bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố giao.
- Thực hiện các dịch vụ Quan trắc, tư vấn, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 4 năm 2006

GIÁM ĐỐC



TS. Hoàng Ngọc Tuấn

**Phụ lục 5: Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm phù hợp với các yêu cầu của
TCVN ISO/IEC 17025-2017**



Ký bởi: Văn phòng Công nhận chất lượng
Ngày ký: 26-03-2024 14:51:40 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 523 /QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG

phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với phạm vi công nhận như được đề cập trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng thí nghiệm mang số hiệu: VILAS 249

Điều 3. Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trường hợp Trung tâm Quan trắc Môi trường cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Quan trắc Môi trường phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 03 năm 2024 đến ngày 27 tháng 09 năm 2025, Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 6. Quyết định này thay thế cho Quyết định số: 748.2022/QĐ - VPCNCL ngày 27 tháng 09 năm 2022 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ lục 6: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng.

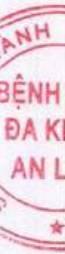
Địa chỉ: Số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3536.268

Email: Sotn.ttqt@haiphong.gov.vn

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 008**



3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 28 tháng 8 năm 2026.

4. Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Sở TN&MT Thành phố Hải Phòng;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT Thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Wu Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Văn bản đề nghị số 37/TTQT&PTMT ngày 26 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Số 159, đường Ngô Quyền, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0220.3898195;

Email: atcema@gmail.com.



Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 017**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày **!!...** tháng **3....** năm 2027.

4. Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./

Nơi nhận:

- Trung tâm QT&PTMT, Sở TN&MT tỉnh Hải Dương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Hải Dương;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản số 465/VNLMT ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ: Nhà A30, số 18 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37569136

E-mail: vanthu@istee.vast.vn

Trang web: istee.vn

SÀI PHÁP

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 079**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2027.

4. Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TNMT TP Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT (07).

